SỞ GDĐT THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THPT TRẦN VĂN DƯ

DANH SÁCH THÍ SINH THEO PHÒNG KIỂM TRA-PHÒNG 14

Khối 11-Giữa kỳ 1, Năm học: 2026-2027

MÔN: TOÁN, NGỮ VĂN, LỊCH SỬ, NGOẠI NGỮ

STT	Số báo danh	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	60000001	Nguyễn Trường	An	23/01/2010	Nam	11/3	
2	60000002	Võ Thiện	An	08/01/2010	Nam	11/1	
3	60000003	Lê Nguyễn Ngọc	Anh	01/12/2010	Nữ	11/2	
4	60000004	Nguyễn Hoài	Anh	29/01/2010	Nữ	11/5	
5	60000005	Phạm Thị Ngọc	Anh	06/11/2010	Nữ	11/1	
6	60000006	Phạm Quốc	Bảo	17/12/2010	Nam	11/2	
7	60000007	Trần Thế	Bảo	09/10/2010	Nam	11/5	
8	60000008	Phạm Lê Gia	Bình	29/01/2010	Nam	11/1	
9	60000009	Trần Hữu	Bình	29/06/2010	Nam	11/3	
10	60000010	Ngô Hoàng	Châu	17/05/2010	Nam	11/1	
11	60000011	Nguyễn Ngọc Bảo	Châu	18/11/2010	Nữ	11/2	
12	60000012	Phạm Hoàng	Châu	03/11/2010	Nữ	11/3	
13	60000013	Phạm Ngọc	Châu	29/06/2010	Nam	11/4	
14	60000014	Phạm Ngọc Quỳnh	Châu	08/07/2010	Nữ	11/3	
15	60000015	Ung Thị Bảo	Châu	06/05/2010	Nữ	11/1	
16	60000016	Trần Lê Tùng	Chi	07/02/2010	Nữ	11/1	
17	60000017	Nguyễn Quốc	Chỉnh	30/08/2010	Nam	11/2	
18	60000018	Nguyễn Tấn	Chường	08/01/2010	Nam	11/3	
19	60000019	Đinh Châu	Cường	12/08/2010	Nam	11/1	
20	60000020	Huỳnh Quốc	Cường	08/04/2010	Nam	11/5	
21	60000021	Phạm Thành	Danh	29/06/2010	Nam	11/1	
22	60000022	Hồ Văn	Diện	05/12/2010	Nam	11/4	
23	60000023	Nguyễn Thị Bích	Diệp	07/11/2010	Nữ	11/3	
24	60000024	Trần Nguyên Tiến	Diệp	24/02/2010	Nam	11/2	
25	60000025	Hồ Tôn Hoàng	Dung	02/02/2010	Nữ	11/4	
26	60000026	Hồ Lê Viết	Dũng	04/01/2010	Nam	11/2	
27	60000027	Đặng Tấn	Duy	14/06/2010	Nam	11/5	

Danh sách này có 27 thí sinh./.

SỞ GDĐT THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THPT TRẦN VĂN DƯ

DANH SÁCH THÍ SINH THEO PHÒNG KIỂM TRA-PHÒNG 15

Khối 11-Giữa kỳ 1, Năm học: 2026-2027

MÔN: TOÁN, NGỮ VĂN, LỊCH SỬ, NGOẠI NGỮ

STT	Số báo danh	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	60000028	Bùi Trần Kiều	Duyên	15/08/2010	Nữ	11/4	
2	60000029	Huỳnh Thị Ánh	Dương	29/10/2010	Nữ	11/3	
3	60000030	Huỳnh Hoàng Tiến	Đạt	14/07/2010	Nam	11/4	
4	60000031	Lê Quốc	Đạt	12/07/2010	Nam	11/4	
5	60000032	Mai Quốc	Đạt	10/04/2010	Nam	11/2	
6	60000033	Phan Thành	Đạt	30/11/2010	Nam	11/5	
7	60000034	Võ Hồng	Đạt	19/07/2010	Nam	11/5	
8	60000035	Võ Trương Duy	Đạt	04/07/2010	Nam	11/2	
9	60000036	Đoàn Nguyễn Khánh	Đoan	24/07/2010	Nữ	11/3	
10	60000037	Hồ Ngọc	Hải	04/01/2010	Nam	11/4	
11	60000038	Ung Thị Duy	Hạnh	19/09/2010	Nữ	11/1	
12	60000039	Dương Thị Minh	Hằng	17/05/2010	Nữ	11/3	
13	60000040	Nguyễn Thị Thu	Hằng	21/02/2010	Nữ	11/2	
14	60000041	Đinh Thị Khánh	Hân	10/10/2010	Nữ	11/5	
15	60000042	Ngô Vũ Gia	Hân	01/03/2010	Nữ	11/1	
16	60000043	Võ Kim Bảo	Hân	04/04/2010	Nữ	11/2	
17	60000044	Nguyễn Thành	Hậu	11/10/2010	Nam	11/4	
18	60000045	Lê Thị Bích	Hiền	09/11/2010	Nữ	11/3	
19	60000046	Huỳnh Trịnh Ngọc	Hiếu	28/09/2010	Nữ	11/3	
20	60000047	Phan Minh	Hiếu	02/09/2010	Nam	11/5	
21	60000048	Phan Việt	Hoài	03/05/2010	Nữ	11/2	
22	60000049	Lê Huy	Hoàng	02/10/2010	Nam	11/5	
23	60000050	Nguyễn Thị Thanh	Hoàng	25/04/2010	Nữ	11/3	
24	60000051	Hoàng Tuấn	Hùng	28/08/2010	Nam	11/5	
25	60000052	Dương Gia	Huy	04/11/2010	Nam	11/1	
26	60000053	Hoàng Minh	Huy	28/10/2010	Nam	11/1	
27	60000054	Phạm Hồng	Huy	22/03/2010	Nam	11/5	

Danh sách này có 27 thí sinh./.

SỞ GDĐT THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THPT TRẦN VĂN DƯ

DANH SÁCH THÍ SINH THEO PHÒNG KIỂM TRA-PHÒNG 16
Khối 11-Giữa kỳ 1, Năm học: 2026-2027
MÔN: TOÁN, NGỮ VĂN, LỊCH SỬ, NGOẠI NGỮ

STT	Số báo danh	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	60000055	Hồ Ngọc	Huyền	11/07/2010	Nữ	11/5	
2	60000056	Nguyễn Lương Nguyên	Kha	25/05/2010	Nam	11/1	
3	60000057	Huỳnh Công	Khải	03/11/2009	Nam	11/2	
4	60000058	Lê Nguyễn Xuân	Khải	08/01/2010	Nam	11/1	
5	60000059	Phạm Đăng	Khánh	07/01/2010	Nam	11/5	
6	60000060	Võ Quốc	Khánh	01/11/2010	Nam	11/5	
7	60000061	Huỳnh Tuấn	Khiêm	10/10/2010	Nam	11/4	
8	60000062	Dương Vũ Bá Anh	Khoa	10/08/2010	Nam	11/2	
9	60000063	Nguyễn Hùng	Khoa	10/05/2010	Nam	11/5	
10	60000064	Phạm Văn	Kiệt	16/10/2010	Nam	11/2	
11	60000065	Phan Lê Anh	Kiệt	05/05/2010	Nam	11/4	
12	60000066	Đoàn Quốc	Kỳ	10/09/2010	Nam	11/3	
13	60000067	Nguyễn Vũ Mỹ	Kỳ	25/11/2010	Nam	11/2	
14	60000068	Nguyễn Thị Lệ	Lam	12/04/2010	Nữ	11/1	
15	60000069	Nguyễn Thị Mỹ	Lệ	23/11/2010	Nữ	11/1	
16	60000070	Nguyễn Thanh	Liêu	04/05/2010	Nam	11/4	
17	60000071	Đào Ngọc Nhật	Linh	25/01/2010	Nữ	11/5	
18	60000072	Đặng Thùy	Linh	04/02/2010	Nữ	11/2	
19	60000073	Nguyễn Thị Vũ	Linh	30/06/2010	Nữ	11/2	
20	60000074	Trương Nguyễn Bảo	Linh	18/05/2010	Nữ	11/4	
21	60000075	Nguyễn Thị Kim	Long	02/12/2010	Nữ	11/4	
22	60000076	Nguyễn Đắc	Lộc	20/12/2010	Nam	11/4	
23	60000077	Võ Thế	Lữ	08/08/2010	Nam	11/3	
24	60000078	Trần Thanh	Lưu	04/11/2010	Nam	11/2	
25	60000079	Huỳnh Phạm Yến	Ly	19/09/2010	Nữ	11/2	
26	60000080	Nguyễn Văn	Minh	01/01/2010	Nam	11/5	
27	60000081	Phạm Anh	Minh	09/10/2010	Nam	11/3	

Danh sách này có 27 thí sinh./.

SỞ GDĐT THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THPT TRẦN VĂN DƯ

DANH SÁCH THÍ SINH THEO PHÒNG KIỂM TRA-PHÒNG 17

Khối 11-Giữa kỳ 1, Năm học: 2026-2027

MÔN: TOÁN, NGỮ VĂN, LỊCH SỬ, NGOẠI NGỮ

STT	Số báo danh	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	60000082	Nguyễn Thị Trà	My	14/09/2010	Nữ	11/1	
2	60000083	Phạm Hoàng Nhật	My	12/09/2010	Nữ	11/3	
3	60000084	Võ Hoàng Phương	Nga	20/05/2010	Nữ	11/2	
4	60000085	Đặng Phương	Ngân	17/11/2010	Nữ	11/2	
5	60000086	Nguyễn Đỗ Thảo	Ngân	21/01/2010	Nữ	11/3	
6	60000087	Nguyễn Vũ Kim	Ngân	30/07/2010	Nữ	11/2	
7	60000088	Phạm Ngọc	Ngân	02/11/2010	Nam	11/5	
8	60000089	Phạm Tàu Gia	Nghĩa	26/07/2010	Nam	11/3	
9	60000090	Cao Bảo	Ngọc	01/01/2010	Nữ	11/4	
10	60000091	Nguyễn Thị Phương	Ngọc	13/11/2010	Nữ	11/4	
11	60000092	Trương Hoàng Bảo	Ngọc	31/05/2010	Nữ	11/2	
12	60000093	Lê Xuân	Nguyên	24/12/2010	Nam	11/2	
13	60000094	Nguyễn Phương	Nguyên	05/12/2010	Nữ	11/2	
14	60000095	Trình Khôi	Nguyên	12/09/2010	Nam	11/1	
15	60000096	Hồ Thị Ánh	Nguyệt	15/05/2010	Nữ	11/5	
16	60000097	Nguyễn Thị Mỹ	Nhân	28/03/2010	Nữ	11/4	
17	60000098	Võ Thành	Nhân	28/04/2010	Nam	11/5	
18	60000099	Hồ Linh	Nhi	08/09/2010	Nữ	11/2	
19	60000100	Huỳnh Lê Bảo	Nhi	18/05/2010	Nữ	11/2	
20	60000101	Nguyễn Hạnh	Nhi	06/10/2010	Nữ	11/4	
21	60000102	Nguyễn Thị Yến	Nhi	07/06/2010	Nữ	11/1	
22	60000103	Phạm Hoàng Yến	Nhi	01/04/2010	Nữ	11/4	
23	60000104	Trần Thị Yến	Nhi	12/03/2010	Nữ	11/5	
24	60000105	Trương Thị Tuyết	Nhi	29/08/2010	Nữ	11/2	
25	60000106	Trương Thị Ý	Nhi	01/01/2010	Nữ	11/5	
26	60000107	Đoàn Thị Tuyết	Nhung	20/09/2010	Nữ	11/3	
27	60000108	Hồ Thị Ái	Như	09/04/2010	Nữ	11/1	

Danh sách này có 27 thí sinh./.

SỞ GDĐT THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THPT TRẦN VĂN DƯ

DANH SÁCH THÍ SINH THEO PHÒNG KIỂM TRA-PHÒNG 18
Khối 11-Giữa kỳ 1, Năm học: 2026-2027
MÔN: TOÁN, NGỮ VĂN, LỊCH SỬ, NGOẠI NGỮ

STT	Số báo danh	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	60000109	Huỳnh Nguyên Thảo	Như	15/01/2010	Nữ	11/4	
2	60000110	Nguyễn Cao Quỳnh	Như	24/01/2010	Nữ	11/5	
3	60000111	Nguyễn Lê Bảo	Như	19/04/2010	Nữ	11/5	
4	60000112	Trần Thị Yến	Như	12/03/2010	Nữ	11/5	
5	60000113	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	21/12/2010	Nữ	11/4	
6	60000114	Võ Nguyên	Pháp	28/08/2010	Nam	11/3	
7	60000115	Nguyễn Doãn	Phúc	09/01/2010	Nam	11/2	
8	60000116	Nguyễn Thành	Phúc	11/10/2010	Nam	11/3	
9	60000117	Võ Công	Phúc	04/05/2010	Nam	11/4	
10	60000118	Nguyễn Phan Diệu	Phương	23/03/2010	Nữ	11/3	
11	60000119	Nguyễn Thị Ánh	Phương	10/02/2010	Nữ	11/1	
12	60000120	Nguyễn Hào	Quang	27/03/2010	Nam	11/4	
13	60000121	Võ Tấn	Quang	03/09/2010	Nam	11/3	
14	60000122	Nguyễn Ngọc	Quân	09/06/2010	Nam	11/5	
15	60000123	Võ Minh	Quân	24/09/2010	Nam	11/1	
16	60000124	Đoàn Văn	Quốc	04/12/2010	Nam	11/3	
17	60000125	Trương Ngọc	Quý	03/01/2010	Nam	11/4	
18	60000126	Đoàn Thị Diễm	Quỳnh	06/09/2010	Nữ	11/2	
19	60000127	Đỗ Huỳnh Thanh	Sơn	05/04/2010	Nam	11/3	
20	60000128	Y Khôi Pang	Sư	29/07/2010	Nam	11/3	
21	60000129	Lê Duy	Tân	06/08/2010	Nam	11/2	
22	60000130	Đinh Thị Xuân	Thanh	21/10/2010	Nữ	11/5	
23	60000131	Bùi Thanh	Thảo	26/10/2010	Nữ	11/2	
24	60000132	Nguyễn Hoàng Phương	Thảo	04/02/2010	Nữ	11/3	
25	60000133	Tăng Bách	Thảo	30/08/2010	Nữ	11/2	
26	60000134	Võ Hữu	Thắng	01/10/2010	Nam	11/1	
27	60000135	Đỗ Ngọc	Thiện	11/02/2010	Nam	11/5	

Danh sách này có 27 thí sinh./.

SỞ GDĐT THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THPT TRẦN VĂN DƯ

DANH SÁCH THÍ SINH THEO PHÒNG KIỂM TRA-PHÒNG 19
Khối 11-Giữa kỳ 1, Năm học: 2026-2027
MÔN: TOÁN, NGỮ VĂN, LỊCH SỬ, NGOẠI NGỮ

STT	Số báo danh	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	60000136	Nguyễn Bá	Thiện	20/10/2010	Nam	11/5	
2	60000137	Nguyễn Thị Bích	Thuận	27/10/2010	Nữ	11/4	
3	60000138	Nguyễn Thị	Thùy	18/09/2010	Nữ	11/5	
4	60000139	Phạm Thị Thu	Thủy	02/11/2010	Nữ	11/5	
5	60000140	Đoàn Vũ Minh	Thư	29/04/2010	Nữ	11/1	
6	60000141	Lê Thùy Anh	Thư	13/02/2010	Nữ	11/4	
7	60000142	Nguyễn Huỳnh Anh	Thư	10/03/2010	Nữ	11/5	
8	60000143	Nguyễn Thị Anh	Thư	12/08/2010	Nữ	11/2	
9	60000144	Nguyễn Thị Anh	Thư	04/10/2010	Nữ	11/1	
10	60000145	Phạm Nguyễn Anh	Thư	06/01/2010	Nữ	11/2	
11	60000146	Võ Thị Anh	Thư	17/10/2010	Nữ	11/1	
12	60000147	Ngô Nguyễn Phương	Thương	12/03/2010	Nữ	11/1	
13	60000148	Phan Minh	Tiến	06/02/2010	Nam	11/2	
14	60000149	Trần Trọng	Tín	20/08/2010	Nam	11/1	
15	60000150	Phạm Quốc	Tĩnh	10/05/2010	Nam	11/3	
16	60000151	Trương Quốc	Toàn	19/01/2010	Nam	11/5	
17	60000152	Đinh Phạm Linh	Trang	02/08/2010	Nữ	11/5	
18	60000153	Nguyễn Thị Hiền	Trang	15/09/2010	Nữ	11/1	
19	60000154	Đoàn Bích	Trâm	17/05/2010	Nữ	11/4	
20	60000155	Đoàn Thị Bảo	Trâm	07/03/2010	Nữ	11/3	
21	60000156	Hồ Thị Thanh	Trâm	01/05/2010	Nữ	11/3	
22	60000157	Nguyễn Thị Bích	Trâm	07/05/2010	Nữ	11/3	
23	60000158	Nguyễn Thị Thùy	Trâm	08/01/2010	Nữ	11/1	
24	60000159	Huỳnh Thị Nhã	Trân	10/01/2010	Nữ	11/4	
25	60000160	Bùi Quang	Triết	20/06/2010	Nam	11/1	
26	60000161	Nguyễn Ngọc	Triều	05/11/2010	Nam	11/3	
27	60000162	Nguyễn Ngọc Kiều	Trinh	16/08/2010	Nữ	11/2	
28	60000163	Hồ Thị Thanh	Trúc	22/10/2010	Nữ	11/5	

Danh sách này có 28 thí sinh./.

SỞ GDĐT THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THPT TRẦN VĂN DƯ

DANH SÁCH THÍ SINH THEO PHÒNG KIỂM TRA-PHÒNG 20
Khối 11-Giữa kỳ 1, Năm học: 2026-2027
MÔN: TOÁN, NGỮ VĂN, LỊCH SỬ, NGOẠI NGỮ

STT	Số báo danh	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	60000164	Phạm Thị	Trúc	10/12/2010	Nữ	11/5	
2	60000165	Trần Lê Thiên	Trúc	24/02/2010	Nữ	11/3	
3	60000166	Bùi Quang	Trường	17/05/2010	Nam	11/2	
4	60000167	Hồ Tấn	Trường	05/02/2010	Nam	11/1	
5	60000168	Võ Công	Trường	09/03/2010	Nam	11/2	
6	60000169	Trần Quốc	Tú	27/11/2010	Nam	11/1	
7	60000170	Dương Anh	Tuấn	06/10/2010	Nam	11/1	
8	60000171	Lê Anh	Tuấn	02/03/2010	Nam	11/5	
9	60000172	Võ Nguyễn Minh	Tuấn	23/03/2010	Nam	11/5	
10	60000173	Phạm Thanh	Tuyền	05/04/2010	Nữ	11/2	
11	60000174	Huỳnh Thị Thu	Uyên	13/06/2010	Nữ	11/4	
12	60000175	Nguyễn Thị Hoàng	Uyên	13/11/2010	Nữ	11/2	
13	60000176	Trương Nguyễn Thúy	Uyên	05/04/2010	Nữ	11/4	
14	60000177	Nguyễn Trịnh Công	Văn	28/09/2010	Nam	11/4	
15	60000178	Trương Thị Hồng	Vân	24/03/2010	Nữ	11/4	
16	60000179	Huỳnh Ngô Tường	Vi	11/08/2010	Nữ	11/3	
17	60000180	Nguyễn Thiện	Vi	19/08/2010	Nữ	11/1	
18	60000181	Phan Vũ Tường	Vi	09/09/2010	Nữ	11/1	
19	60000182	Đỗ Ngọc Anh	Việt	23/06/2010	Nam	11/5	
20	60000183	Võ Thanh	Việt	01/06/2010	Nam	11/1	
21	60000184	Võ Anh	Vũ	29/05/2010	Nam	11/4	
22	60000185	Dương Đinh Yến	Vy	04/11/2010	Nữ	11/1	
23	60000186	Huỳnh Bảo Tường	Vy	05/05/2010	Nữ	11/3	
24	60000187	Phạm Thị Tường	Vy	15/09/2010	Nữ	11/1	
25	60000188	Trần Nguyễn Minh	Vy	13/07/2010	Nam	11/2	
26	60000189	Đoàn Thị Thanh	Xuân	02/01/2010	Nữ	11/1	
27	60000190	Phan Huỳnh Ngọc Như	Ý	03/08/2010	Nữ	11/4	
28	60000191	Đinh Thị Thúy	Yên	27/05/2010	Nữ	11/3	

Danh sách này có 28 thí sinh./.